

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EAKAR
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 05/2022/HNGĐ-ST.

Ngày 28 – 02 – 2021.

“V/v không công nhận vợ chồng”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EAKAR, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Xuân Thắng và ông Nguyễn Thế Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Quốc Nam - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện EaKar.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện EaKar tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2022 tại hội trường Tòa án nhân dân huyện EaKar xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 326/2022/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2021 về việc “Không công nhận quan hệ là vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện EaKar, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1973.

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Ông Nguyễn Đình Đ, sinh năm 1972.

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. (Có đơn xin xét xử mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện ngày 28/6/2021, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên Tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th trình bày:**

Tôi và ông Nguyễn Đình Đ về chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện từ năm 1992, nhưng không đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nguyên nhân không đăng ký kết hôn là tại thời điểm về chung sống với nhau điều kiện kinh tế khó khăn, hai vợ chồng cùng nhau làm kinh tế nuôi sống gia đình nên cũng không nhớ đến việc đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Sau khi về chung sống với nhau thì tôi và ông Đ thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, chung sống với nhau không hạnh phúc nên muốn chấm dứt mối quan hệ

tình cảm. Vì vậy nay tôi làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Ea Kar giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa tôi và ông Nguyễn Đình Đ.

Về con chung: Trong thời gian sống chung, tôi và ông Đ có 02 con chung là Nguyễn Đình D, sinh ngày 04/4/1997; Nguyễn Đình G, sinh ngày 25/01/1994. Hiện nay, con chung đã thành niên (đủ 18 tuổi) nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/11/2021, quá trình tham gia tố tụng tại tòa án bị đơn ông Nguyễn Đình Đ trình bày:**

Tôi và bà Nguyễn Thị Th về chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện từ năm 1992, nhưng không đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nguyên nhân không đi đăng ký kết hôn là tại thời điểm về chung sống với nhau điều kiện kinh tế khó khăn, đường đi lại cũng khó khăn nên cũng không nhớ đến việc đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Sau khi về chung sống với nhau thì tôi và bà Th thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, chung sống với nhau có hai con chung nhưng không hạnh phúc nên muốn chấm dứt mối quan hệ tình cảm để các bên có cuộc sống riêng. Hiện tôi cũng đã có gia đình mới. Vì vậy nay bà Th làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Ea Kar tuy chấm dứt mối quan hệ hôn nhân, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa tôi và bà Nguyễn Thị Th thì tôi đồng ý.

Về con chung: Trong thời gian sống chung, tôi và bà Th có 02 con chung là Nguyễn Đình D, sinh ngày 04/4/1997; Nguyễn Đình G, sinh ngày 25/01/1994. Hiện nay, con chung đã thành niên (đủ 18 tuổi) nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý, đến khi xét xử, Thẩm phán tuân theo quy định như lập hồ sơ vụ án, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, tổng đạt giấy triệu tập, các quyết định của Tòa án cho đương sự, thời hạn giải quyết vụ án, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định, thành phần Hội đồng xét xử và trình tự thủ tục tố tụng tại phiên tòa đảm bảo đúng quy định theo Điều 179, Điều 195; Điều 196; Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Nguyên đơn, bị đơn đã làm đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, đề nghị HĐXX xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ Điều 8, 9, 14, 15 Luật hôn nhân và gia đình 2014. Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Th và ông Nguyễn Đình Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Th khởi kiện yêu cầu không công nhận vợ chồng với ông Nguyễn Đình Đ, địa chỉ thôn Đ, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Theo quy định tại khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk.

Tại phiên toà, nguyên đơn bị đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 BLTTDS, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Th và ông Nguyễn Đình Đ tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn. Hôn nhân của ông bà là không hợp pháp. Trong quá trình chung sống bà Th và ông Đ đều thừa nhận không hạnh phúc và thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, không hoà thuận về mọi mặt và thường xuyên xảy ra cãi vã. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng dẫn đến ông bà sống đã ly thân từ tháng năm 2018 cho đến nay. Vì vậy, xét yêu cầu của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th và bị đơn ông Nguyễn Đình Đ là có căn cứ, phù hợp với khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình, cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Trong thời gian sống chung, bà Th và ông Đ có 02 con chung là Nguyễn Đình D, sinh ngày 04/4/1997; Nguyễn Đình G, sinh ngày 25/01/1994. Hiện nay, con chung đã thành niên (đủ 18 tuổi) nên bà Th, ông Đ không yêu cầu nên HĐXX không đề cập để giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu nên HĐXX không đề cập để giải quyết.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Th phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 8 Điều 28, Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 8, 9, 14, 15 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th.

- Quan hệ về hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị Th và ông Nguyễn Đình Đ là vợ chồng.

- Về con chung: 02 con chung là Nguyễn Đình D, sinh ngày 04/4/1997; Nguyễn Đình G, sinh ngày 25/01/1994. Hiện nay, con chung đã thành niên (đủ 18 tuổi) ông Đ, bà Th không yêu cầu nên không đề cập để giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không đề cập để giải quyết.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Th phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng bà Thu đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AA/2021/0005603 ngày 10/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện EaKar.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện EaKar;
- T.H.A dân sự huyện EaKar; ,
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Minh Ngọc